

đảm đạt tỷ lệ vốn lưu động tự có và coi như tự có như quy định tại điểm 2 của Thông tư này. Trong năm kế hoạch, nếu xí nghiệp chưa thực hiện được kế hoạch tự bổ sung vốn thì vay Ngân hàng đề bổ sung.

6. Ngoài số vốn lưu động tự có và coi như tự có, xí nghiệp được vay Ngân hàng để bảo đảm hoạt động sản xuất — kinh doanh, trên cơ sở kế hoạch tín dụng đã thỏa thuận, xí nghiệp ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng.

Trường hợp đặc biệt, nếu vốn lưu động bị mất mát, tồn thất do thiên tai, hỏa hoạn, địch họa thì xí nghiệp được cơ quan tài chính xét cấp phục hồi vốn lưu động cho từng trường hợp cụ thể.

7. Đối với những vật tư ứ đọng chậm luân chuyển phát sinh trước đây đã được Ngân sách cấp phát và Ngân hàng cho vay thì khi giải phóng đến đâu, xí nghiệp có trách nhiệm trả nợ Ngân hàng Nhà nước và bổ sung vốn lưu động tự có tương ứng với kết cấu của vốn Ngân sách và vốn Ngân hàng trong vật tư ứ đọng chậm luân chuyển.

8. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1-7-1986. Tất cả những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bị bãi bỏ.

K.T. Tổng Giám đốc  
Ngân hàng Nhà nước  
Việt Nam

K.T. Bộ trưởng  
Bộ Tài chính

Phó Tổng Giám đốc  
NGUYỄN VĂN CHUẨN

Thứ trưởng  
HỒ TẾ

## BỘ NGOẠI THƯƠNG

**THÔNG TƯ** của Bộ Ngoại thương số 20-BNgT/XNK ngày 10-12-1986 hướng dẫn thi hành bản quy định tạm thời về quyền tự chủ của các đơn vị kinh tế cơ sở trong lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu và xuất nhập khẩu ban hành theo Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986.

Thi hành Quyết định số 76-HĐBT ngày 26-6-1986 của Hội đồng Bộ trưởng, Bộ Ngoại thương hướng dẫn thực hiện quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất nhập khẩu như sau:

### Phần thứ nhất

#### ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ KINH TẾ SẢN XUẤT HÀNG XUẤT KHẨU

Ngoài những chính sách và biện pháp kinh tế đã được quy định tại Quyết định số 177-HĐBT ngày 15-6-1985 của Hội đồng Bộ trưởng về chính sách, biện pháp đẩy mạnh xuất khẩu và tăng cường quản lý xuất nhập khẩu, Bộ Ngoại thương hướng dẫn thêm các điểm dưới đây:

**1. Cung ứng vật tư để sản xuất hàng xuất khẩu và sản xuất nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu.**

a) Các cơ sở được giao chỉ tiêu pháp lệnh sản xuất hàng xuất khẩu hoặc sản xuất nguyên liệu để sản xuất hàng xuất khẩu đều được Nhà nước cân đối vật tư, nguyên liệu theo định mức kinh tế kỹ



thuật để thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh; các cơ sở do địa phương quản lý (kể cả cá thể) nếu thiếu lương thực để tiêu dùng trực tiếp đều được cung ứng lương thực theo quy định.

b) Nhà nước thực hiện chế độ ưu tiên cung ứng vật tư nguyên liệu cho các cơ sở nói trên; trong điều kiện vật tư nguyên liệu chưa đủ để đáp ứng mọi yêu cầu thì trước tiên bảo đảm cho nhu cầu sản xuất hàng xuất khẩu.

Hàng năm, theo đề nghị của Bộ Ngoại thương, Ủy ban Kế hoạch Nhà nước lập và công bố danh mục các sản phẩm xuất khẩu, các đơn vị sản xuất hàng xuất khẩu được ưu tiên cung ứng vật tư nguyên liệu.

Nếu vật tư nguyên liệu thiếu đến mức không đủ để thực hiện chế độ ưu tiên cung ứng nói trên, cơ sở và ngành cung ứng vật tư phải kịp thời thông qua Ủy ban Kế hoạch Nhà nước báo cáo lên Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng giải quyết.

c) Với số vật tư, nguyên liệu được cung ứng, cơ sở sản xuất phải ưu tiên bố trí sản xuất hàng xuất khẩu và nguyên liệu cho sản xuất hàng xuất khẩu.

## 2. Sản xuất sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu.

Để khuyến khích đẩy mạnh sản xuất trong nước và tiết kiệm ngoại tệ nhập khẩu, Nhà nước khuyến khích các cơ sở kinh tế sản xuất sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu.

Được coi là sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu khi sản phẩm đó được cơ quan tiêu thụ chấp nhận và sử dụng thay thế hàng nhập khẩu (hàng thực sự đã phải nhập khẩu theo chỉ tiêu pháp lệnh trước đó).

Việc sản xuất sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu phải được đăng ký và tổng hợp trong kế hoạch sản phẩm của ngành; Ủy ban Kế hoạch Nhà nước tổng hợp cân đối các kế hoạch, xác nhận sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, phối hợp với Bộ Ngoại thương quyết định thưởng quyền sử dụng ngoại tệ cho cơ sở.

Mức thưởng quyền sử dụng ngoại tệ là 10% số ngoại tệ tiết kiệm được (hiệu số giữa số ngoại tệ đáng lẽ phải chi để nhập khẩu với số ngoại tệ chi để sản xuất sản phẩm thay thế nếu có); thời gian thưởng quyền sử dụng ngoại tệ là 2 năm kể từ khi có sản phẩm thay thế hàng nhập khẩu, tính theo số sản phẩm được sử dụng để thay thế. Cơ sở sản xuất được thưởng chỉ sử dụng ngoại tệ để đầu tư bổ sung vật tư, nguyên liệu cho sản xuất.

## 3. Quyền tiếp cận thị trường thế giới.

Nhu cầu tiếp cận thị trường thế giới để tiếp thu kỹ thuật, phương pháp sản xuất tiên tiến, nắm bắt nhu cầu, thị hiếu, là thực sự cần thiết đối với mọi cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu. Việc tiếp cận thị trường thế giới có thể thực hiện gián tiếp thông qua hoạt động của các đơn vị xuất nhập khẩu, đồng thời có thể là hoạt động trực tiếp của cơ sở sản xuất trong tổ chức phối hợp với các đơn vị xuất nhập khẩu, trước hết và chủ yếu đối với các cơ sở chuyên sản xuất để xuất khẩu, cơ sở có khối lượng hàng xuất khẩu quan trọng, sản xuất hàng xuất khẩu đòi hỏi quy cách phẩm chất phức tạp.

Việc tiếp cận thị trường thế giới được thực hiện bằng các hoạt động:



— Cử người và gửi hàng tham gia các hội chợ triển lãm quốc tế.

— Tham gia giao dịch ký các hợp đồng xuất khẩu hàng hóa (ở trong nước và ở nước ngoài).

— Đi khảo sát thị trường ngoài nước.

Mọi chi phí cho việc tiếp cận thị trường do cơ sở sản xuất chịu và hạch toán vào giá thành theo định mức được duyệt.

Chi phí bằng ngoại tệ do đơn vị xuất nhập khẩu xuất khẩu sản phẩm của cơ sở sản xuất dự trù và được duyệt chung trong định mức ngoại tệ được chi cho mọi việc đi công tác ở nước ngoài; chi phí này được dành một tỷ lệ thích đáng để chi cho các cơ sở sản xuất tiếp cận thị trường thế giới; khi được sử dụng, cơ sở sản xuất chỉ phải chi đồng Việt Nam để mua ngoại tệ sử dụng theo tỷ giá và các chế độ có liên quan khác của Nhà nước.

#### 4. Quyền trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu.

Cơ sở sản xuất là xí nghiệp và liên hiệp các xí nghiệp quốc doanh Trung ương có đủ các điều kiện dưới đây được quyền trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu:

a) Có sản phẩm xuất khẩu đạt trị giá 15 triệu rúp/đôla Mỹ (giá xuất khẩu FOB) trở lên hàng năm, mức này sẽ áp dụng có phân biệt đối với các cơ sở chuyên sản xuất hàng xuất khẩu, sản xuất và gia công bằng nguyên liệu nhập khẩu hay chủ yếu bằng vật tư, nguyên liệu trong nước.

b) Có điều kiện và khả năng sản xuất hàng xuất khẩu tương đối ổn định.

c) Có đủ điều kiện về đội ngũ cán bộ đảm nhiệm công tác ngoại thương.

Trường hợp cơ sở sản xuất là thành viên của liên hiệp các xí nghiệp đã có tổ chức để trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu rồi thì cơ sở không được trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu nữa.

Bộ Ngoại thương căn cứ vào đề nghị của cơ quan chủ quản ra quyết định cho phép cơ sở sản xuất được trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu; cơ quan chủ quản ra quyết định thành lập tổ chức xuất nhập khẩu có tư cách pháp nhân trực thuộc cơ sở sản xuất, tổ chức này phải có điều kiện hoạt động được Bộ Ngoại thương thừa nhận và đăng ký điều lệ đó tại Bộ Ngoại thương.

### Phần thứ hai

## ĐỐI VỚI CÁC CƠ SỞ KINH TẾ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

### I. VỀ KẾ HOẠCH HÓA

#### 1. Giao kế hoạch.

a) Cơ quan chủ quản (Bộ, Ủy ban Nhân dân tỉnh và tương đương) là cơ quan giao kế hoạch cho đơn vị xuất nhập khẩu trực thuộc; tùy theo tầm quan trọng từng thời kỳ của việc thực hiện một số chỉ tiêu xuất khẩu và nhập khẩu, Hội đồng Bộ trưởng có thể giao thẳng kế hoạch xuất nhập khẩu cho một vài đơn vị xuất nhập khẩu trung ương.

Chỉ có cơ quan giao kế hoạch mới có quyền điều chỉnh kế hoạch.



b) Mỗi đơn vị xuất nhập khẩu đều được giao hai loại chỉ tiêu kế hoạch:

— Chỉ tiêu pháp lệnh là chỉ tiêu bắt buộc đơn vị phải hoàn thành trên cơ sở được cấp trên cân đối các điều kiện vật chất để thực hiện chỉ tiêu đó.

— Chỉ tiêu hướng dẫn là các định mức để bảo đảm chất lượng trong kinh doanh, bảo đảm tương quan với các cơ sở kinh tế khác. Chỉ tiêu hướng dẫn cũng bao gồm một số chỉ tiêu kinh doanh khác.

c) Tùy theo tính chất, đặc điểm kinh doanh, mỗi đơn vị xuất nhập khẩu được giao từ 1 đến 3 chỉ tiêu pháp lệnh:

— Tổng kim ngạch xuất khẩu, nhập khẩu; ghi bằng 2 loại ngoại tệ theo khu vực thị trường:

Đồng Rúp đối với thị trường xã hội chủ nghĩa, trong đó ghi cụ thể với thị trường Liên Xô.

Đồng Đôla Mỹ đối với thị trường ngoài xã hội chủ nghĩa trong đó ghi cụ thể kim ngạch với thị trường phải thực hiện cam kết của Chính phủ.

— Số lượng, khối lượng hoặc trị giá mặt hàng, nhóm hàng, công trình chủ yếu xuất khẩu và nhập khẩu; ghi rõ từng khu vực thị trường là thị trường Liên Xô, từng thị trường ngoài xã hội chủ nghĩa có cam kết của Chính phủ.

— Các khoản nộp ngân sách (gồm lợi nhuận và các khoản khác đối với ngân sách).

## 2. Cân đối bảo đảm thực hiện chỉ tiêu pháp lệnh.

a) Đối với chỉ tiêu pháp lệnh xuất khẩu.

Nhà nước giao chỉ tiêu cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh ở Trung ương và ở địa phương giao nộp sản phẩm cho đơn vị xuất nhập khẩu để xuất khẩu.

Trường hợp hàng xuất khẩu do đơn vị xuất nhập khẩu tổ chức sản xuất gia công thì Nhà nước giao chỉ tiêu vật tư, nguyên liệu hoặc ngoại tệ để nhập vật tư, nguyên liệu cho đơn vị xuất nhập khẩu.

b) Đối với chỉ tiêu pháp lệnh nhập khẩu.

Để tránh nhập khẩu lãng phí, nâng cao trách nhiệm kinh tế của cơ sở trong việc sử dụng hàng nhập khẩu, khắc phục tình trạng công nợ dây dưa giữa đơn vị chủ hàng nhập khẩu với đơn vị xuất nhập khẩu, sẽ chuyển sang chế độ ủy thác nhập khẩu giữa đơn vị chủ hàng trong nước với đơn vị xuất nhập khẩu; theo chế độ này Nhà nước cấp ngoại tệ (hoặc phân chia kim ngạch bằng đồng Rúp) cho đơn vị chủ hàng nhập trong nước để đơn vị này ủy thác cho đơn vị xuất nhập khẩu mua hàng, đơn vị xuất nhập khẩu được hưởng phí và hoa hồng theo quy định.

Trong khi chưa thực hiện được chế độ ủy thác nói trên, Nhà nước cấp ngoại tệ tư bản (cả tiền hàng, cước vận tải và phí bảo hiểm) để nhập khẩu hàng hóa từ thị trường ngoài xã hội chủ nghĩa và giao chỉ tiêu nhập khẩu của từng nước trong khu vực thanh toán bằng đồng Rúp cho đơn vị xuất nhập khẩu. Căn cứ vào số ngoại tệ tư bản được cấp cả năm, đơn vị xuất nhập khẩu gửi đến Ngân hàng Ngoại thương kế hoạch sử dụng ngoại tệ từng quý để Ngân hàng Ngoại thương phục vụ; khi cần sử dụng ngoại tệ theo kế hoạch mà Ngân hàng Ngoại thương không cấp được ngoại tệ thì đơn vị xuất nhập khẩu được



quyền mua chịu với sự bảo lãnh thanh toán của Ngân hàng Ngoại thương.

Mọi việc nhập khẩu chỉ thực hiện theo đơn hàng của chủ hàng trong nước và hợp đồng kinh tế ký giữa đơn vị đó với đơn vị xuất nhập khẩu, trừ trường hợp có chỉ thị của cấp trên.

**3. Đơn vị xuất nhập khẩu** được tiến hành kinh doanh bổ sung ngoài chỉ tiêu pháp lệnh theo chế độ đã quy định của Nhà nước (liên Bộ Ngoại thương - Tài chính). Kế hoạch kinh doanh bổ sung được phản ánh trong kế hoạch kinh tế thống nhất của đơn vị và được bổ sung khi đơn vị có khả năng.

## II. VỀ KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU

Quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của đơn vị xuất nhập khẩu được hướng dẫn theo 7 vấn đề chủ yếu dưới đây :

### 1. Mặt hàng.

Đề bảo đảm việc bán và mua loại trừ được đến mức tối đa các yếu tố cạnh tranh, lũng đoạn ở thị trường ngoài nước, Nhà nước thực hiện chế độ chuyên môn hóa một đầu mối kinh doanh xuất khẩu và nhập khẩu những mặt hàng hoặc nhóm hàng quan trọng.

Mỗi đơn vị xuất nhập khẩu đều được giao kinh doanh trong phạm vi một số mặt hàng hoặc nhóm hàng nhất định ; trong những trường hợp riêng biệt bảo đảm được hiệu quả xuất nhập khẩu nói chung, Bộ Ngoại thương có thể cho phép kinh doanh ngoài phạm vi kể trên.

Với các nước xã hội chủ nghĩa, mặt hàng xuất khẩu và nhập khẩu phải theo đúng cơ cấu đã quy định trong các cam kết của Chính phủ, trong phạm vi đó có thể thay đổi chủng loại, cỡ, mã, hoặc mặt hàng thay thế, nếu được khách hàng chấp nhận và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả. Đối với các nước ngoài xã hội chủ nghĩa nếu có cam kết của Chính phủ cũng áp dụng như vậy.

Bộ Ngoại thương hướng dẫn các đơn vị xuất nhập khẩu mở rộng buôn bán với các nước xã hội chủ nghĩa ngoài các cam kết của Chính phủ.

### 2. Thị trường và thương nhân.

Đơn vị xuất khẩu được toàn quyền quyết định không trái với các cam kết của Chính phủ và đường lối kinh tế đối ngoại của ta do Bộ Ngoại thương hướng dẫn.

### 3. Giá cả.

Giá cả mua bán với khách hàng nước ngoài là biểu hiện tập trung hiệu quả xuất nhập khẩu, đồng thời là một trong các vấn đề cụ thể của chính sách buôn bán với nước ngoài nên quyền tự chủ của đơn vị kinh doanh xuất nhập khẩu về vấn đề giá được giới hạn trong việc tuân thủ quy chế quản lý giá xuất nhập khẩu của Bộ Ngoại thương như sau :

a) Đối với các nước xã hội chủ nghĩa, theo nguyên tắc tính giá đã thỏa thuận với các nước trong Hội đồng tương trợ kinh tế có tính đến cân đối giá hai chiều giữa hai nước do Bộ Ngoại thương hướng dẫn và quản lý.

b) Đối với các nước ngoài xã hội chủ nghĩa, Bộ Ngoại thương công bố danh



mục những hàng hóa xuất và nhập khẩu do Bộ Ngoại thương duyệt giá; tùy theo tình hình, phương pháp duyệt giá có thể là giá từng hợp đồng hoặc giá giới hạn cho từng thời gian.

c) Đối với những mặt hàng không thuộc danh mục nói trong tiết b, điểm 3, căn cứ vào các thông tin về giá của Bộ Ngoại thương và các thông tin do đơn vị thu thập được, đơn vị xuất nhập khẩu được quyền quyết định các giá xuất khẩu và nhập khẩu theo chế độ quản lý giá của Bộ Ngoại thương.

#### 4. Phương thức kinh doanh và thanh toán.

a) Đối với thị trường xã hội chủ nghĩa, do đơn vị xuất nhập khẩu quyết định không trái với các cam kết của Chính phủ, trong những trường hợp cần thiết thì Bộ Ngoại thương sẽ hướng dẫn.

b) Đối với thị trường ngoài xã hội chủ nghĩa, dù áp dụng phương thức nào cũng phải thanh toán qua Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam; Bộ Ngoại thương hướng dẫn áp dụng một số phương thức kinh doanh đặc biệt.

#### 5. Vận tải ngoài nước.

a) Đơn vị xuất nhập khẩu tuân theo các cam kết của Chính phủ về vận tải; ngoài ra đơn vị phải dành quyền chuyên chở cả hàng xuất và hàng nhập cho vận tải Việt Nam khi ký kết các hợp đồng xuất nhập khẩu.

b) Trường hợp quyền chuyên chở hàng hóa thuộc phía Việt Nam, đơn vị xuất nhập khẩu phải ủy thác đơn vị môi giới

vận tải biển Việt Nam thuê chuyên chở phù hợp với các điều kiện đã ký trong hợp đồng mua bán ngoại thương; nếu đơn vị môi giới vận tải biển Việt Nam không đáp ứng yêu cầu ủy thác, đơn vị xuất nhập khẩu được quyền tự mình thuê chuyên chở để bảo đảm thực hiện hợp đồng.

#### 6. Giải quyết việc bồi thường và đòi bồi thường với nước ngoài.

a) Nếu đơn vị xuất nhập khẩu tự xét thấy có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng xuất khẩu thì được quyền quyết định bồi thường trong định mức ngoại tệ dành cho việc bồi thường; trường hợp số tiền phải bồi thường chiếm trên 5% trị giá hợp đồng thì phải xin ý kiến chỉ đạo của Bộ Ngoại thương trước khi chấp nhận bồi thường mặc dù quy định mức bồi thường của đơn vị không thiếu.

Trong trường hợp phải bồi thường cho khách hàng nước ngoài do lỗi của người sản xuất hàng xuất khẩu thì người sản xuất phải đền bù lại cho người xuất khẩu.

b) Khi hàng nhập có tồn thất, đơn vị xuất nhập khẩu phải lập hồ sơ đòi bồi thường ở đối tượng có trách nhiệm; đồng thời có trách nhiệm bồi thường lại cho chủ hàng trong nước.

c) Đề khuyến khích đơn vị xuất nhập khẩu phấn đấu giảm mức bồi thường hàng xuất khẩu và làm tốt việc đòi bồi thường hàng nhập khẩu, đơn vị xuất nhập khẩu được thưởng tiền căn cứ số dư định mức bồi thường hàng xuất và số thu được bồi thường hàng nhập.



## 7. Đi công tác nước ngoài.

Mỗi đơn vị xuất nhập khẩu đều được duyệt định mức chi phí bằng ngoại tệ cho việc đi công tác nước ngoài.

Đơn vị xuất nhập khẩu bố trí và cử cán bộ đi công tác nước ngoài ngắn hạn và dài hạn trong phạm vi định mức ngoại tệ được duyệt.

Định mức ngoại tệ nói trên bao gồm một phần dành cho cơ sở sản xuất đã giao hàng cho xuất khẩu để đi công tác nước ngoài theo tỷ lệ quy định.

## III. VỀ TỔ CHỨC — LAO ĐỘNG — TIỀN LƯƠNG

### A. Tổ chức cán bộ.

1. Theo điều lệ mẫu về tổ chức và hoạt động của các đơn vị xuất nhập khẩu do Hội đồng Bộ trưởng ban hành, đơn vị xuất nhập khẩu xây dựng điều lệ, tổ chức của mình và đăng ký điều lệ của đơn vị tại Bộ Ngoại thương.

2. Căn cứ vào điều lệ đăng ký tại Bộ Ngoại thương trong đó đã quy định rõ bộ máy tổ chức và tiêu chuẩn chức danh cán bộ, đơn vị xuất nhập khẩu được quyền quản lý toàn diện (tuyển dụng, điều động, sắp xếp, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng, quyết định đề bạt, khen thưởng, kỷ luật, cho thôi việc, cho nghỉ hưu trí...) công nhân viên chức trong đơn vị từ cấp trưởng phòng hoặc tương đương (nghiên cứu viên, kỹ sư, chuyên viên có mức lương 425 đồng) trở xuống, và theo quy định phân cấp quản lý cán bộ của cơ quan chủ quản cấp trên (Bộ, Tổng cục, Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc trung

ương) theo đúng đường lối, chính sách cán bộ của Đảng và luật pháp hiện hành của Nhà nước.

3. Đơn vị xuất nhập khẩu xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho đơn vị, báo cáo lên cơ quan chủ quản cấp trên đề phối hợp với Bộ Ngoại thương và các cơ quan có liên quan khác tổ chức việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

4. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc các đơn vị xuất nhập khẩu được quy định như sau:

— Bộ trưởng Bộ Ngoại thương quyết định đối với các đơn vị xuất nhập khẩu trực thuộc Bộ Ngoại thương.

— Bộ trưởng Bộ Ngoại thương quyết định đối với các đơn vị xuất nhập khẩu trực thuộc Ủy ban Nhân dân các tỉnh thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương (tổng công ty, công ty xuất nhập khẩu, liên hiệp công ty xuất nhập khẩu, công ty liên hiệp xuất nhập khẩu..., trực tiếp hay không trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu) sau khi trao đổi thỏa thuận với Ủy ban Nhân dân chủ quản.

— Bộ trưởng các Bộ, Tổng cục trưởng các Tổng cục trực thuộc Hội đồng Bộ trưởng quyết định đối với các đơn vị xuất nhập khẩu trực thuộc, kể cả đơn vị xuất nhập khẩu trực thuộc cơ sở kinh tế được trực tiếp kinh doanh xuất nhập khẩu, sau khi đã trao đổi nhất trí với Bộ Ngoại thương.

### B. Về lao động—tiền lương.

1. Đơn vị xuất nhập khẩu căn cứ vào kế hoạch kinh doanh của đơn vị và dựa trên



chế độ thời gian làm việc để xây dựng các định mức lao động, định mức biên chế cho các bộ phận công tác, trình cơ quan chủ quản xét duyệt để xác định kế hoạch lao động hàng năm của đơn vị. Định mức biên chế được xem xét, sửa đổi theo từng thời kỳ lập và điều chỉnh kế hoạch khi kế hoạch kinh doanh, sản xuất có thay đổi.

2. Căn cứ vào kế hoạch lao động, đơn vị xuất nhập khẩu được quyền tuyển chọn lao động với số lượng, cơ cấu và trình độ kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ, sức khỏe đáp ứng yêu cầu kinh doanh theo quy định của Nhà nước.

3. Đơn vị xuất nhập khẩu có quyền quyết định các hình thức, tổ chức lao động theo tinh thần giảm nhẹ biên chế để bảo đảm tốc độ tăng năng suất lao động bình quân nhanh hơn tốc độ tăng tiền lương bình quân.

4. Căn cứ vào chính sách và chế độ tiền lương thống nhất của Nhà nước, căn cứ vào các định mức lao động, tiêu chuẩn định biên của bộ máy quản lý và cấp bậc công việc hoặc tiêu chuẩn chức danh viên chức Nhà nước, đơn vị xuất nhập khẩu xây dựng định mức tiền lương cho một đơn vị ngoại tệ xuất khẩu, nhập khẩu, trình cơ quan chủ quản xét duyệt làm căn cứ xây dựng quỹ lương kế hoạch trong kế hoạch kinh doanh sản xuất — kỹ thuật — tài chính — xã hội của đơn vị.

5. Đơn vị xuất nhập khẩu có quyền lựa chọn hình thức trả lương, trả thưởng thích hợp và có hiệu quả nhất, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của đơn vị, theo đúng chế độ, thể lệ hiện hành để khuyến

khích công nhân, viên chức tăng năng suất lao động.

6. Đơn vị xuất nhập khẩu có trách nhiệm tổ chức hạch toán và phân tích tình hình sử dụng và quản lý lao động, tiền lương của các tổ chức thuộc đơn vị mình và thực hiện nghiêm chỉnh chế độ báo cáo thực hiện lao động tiền lương theo quy định của Nhà nước.

Quyền tự chủ của các cơ sở kinh tế sản xuất hàng xuất khẩu và kinh doanh xuất nhập khẩu được thực hiện trên cơ sở «Nhà nước độc quyền ngoại thương, trung ương thống nhất quản lý công tác ngoại thương»; còn có một số vấn đề liên quan đến quyền tự chủ của cơ sở như tài chính, tín dụng, tỷ giá kết hối theo nhóm hàng, xuất nhập khẩu, quyền sử dụng ngoại tệ, phân phối lợi nhuận... sẽ do các cơ quan quản lý có thẩm quyền tiếp tục hướng dẫn.

Các tổ chức phục vụ xuất nhập khẩu trực thuộc Bộ Ngoại thương như Công ty giám định hàng hóa xuất nhập khẩu, Tổng công ty giao nhận kho vận... được vận dụng những quy định thích hợp trong Thông tư này.

Bảo đảm quyền tự chủ của cơ sở là vấn đề phải tiến hành trong suốt quá trình đổi mới quản lý; khi thi hành Thông tư hướng dẫn này nếu gặp khó khăn, đề nghị các cơ sở phản ánh kịp thời với Bộ Ngoại thương để xem xét giải quyết.

K.T. Bộ trưởng Bộ Ngoại thương

Thứ trưởng

TẠ CẢ